

Bản án số: 153/2024/DS-ST
Ngày 11 – 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị C, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hiệp, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Thanh T và bà Nguyễn Mỹ N; cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 02 năm 2024, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Văn Thị C trình bày: Ngày 07/9/2022 bà có cho vợ chồng ông Trương Thanh T, bà Nguyễn Mỹ N mượn số tiền 160.000.000 đồng, nhưng sau đó vợ chồng ông T, bà N chưa trả cho bà. Bà có đến nhà ông Tùng, bà N nhiều lần nhưng không gặp, bà tiếp tục liên hệ qua điện thoại nhưng ông T, bà N chặn cuộc gọi của bà.

Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Thanh T, bà Nguyễn Mỹ N trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật 42.720.000 đồng. Tổng cộng 202.720.000 đồng.

Tại phiên tòa bà C xác định trước đây khi cho ông T, bà N vay tiền bà đã nhận tiền lời nhiều lần số tiền 28.800.000 đồng. Nay, bà yêu cầu ông T, bà N trả cho bà tiền vay số tiền 160.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày 07/9/2022 đến ngày xét xử. Bà C đồng ý trừ khoản tiền lãi bà đã nhận của ông T, bà N số

tiền 28.800.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Trương Thanh T, bà Nguyễn Mỹ N : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà N theo quy định pháp luật, nhưng ông T, bà N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T, bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông T, bà N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N.

[2] Xét yêu cầu của bà C yêu cầu ông T, bà N trả số tiền vay 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo giấy biên nhận bà C cung cấp có nội dung “...Tôi tên Trương Thanh T có mượn của chị Văn Thị C số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) bên mượn bên cho mượn ngày 7/9/2022 ký tên Trương Thanh T, Văn Thị C”. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: “...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...”. Viện dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà N nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông T, bà N không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà C nên ông T, bà N phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà C về việc buộc ông T, bà N trả cho bà C 160.000.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của bà C về tính lãi theo lãi suất Ngân hàng từ ngày 07/9/2022 ã đến thời điểm xét xử ngày 06/5/2024 ã và bà đồng ý trừ khoản lãi bà đã nhận của ông T, bà N số tiền 28.800.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*”. Viện dẫn theo điều luật trên lãi suất được tính như sau: Số tiền 160.000.000 đồng x 20%/năm x 21 tháng = 55.999.999 đồng (làm tròn 56.000.000 đồng), trừ số tiền lãi bà C nhận của ông T, bà N 28.800.000 đồng. Ông T, bà N có nghĩa vụ trả cho bà C lãi số tiền 27.200.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, buộc ông T, bà N trả cho bà C tiền vay và lãi tổng số tiền 187.200.000 đồng. Trong đó vốn 160.000.000 đồng và lãi 27.200.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, ông T và bà N phải chịu án phí số tiền 9.360.000 đồng (187.200.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị C .

1. Buộc ông Trương Thanh T , bà Nguyễn Mỹ N trả cho bà Văn Thị C tổng số tiền 187.200.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Văn Thị C không phải chịu, hoàn trả lại cho bà C 5.068.000 đồng (năm triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000996 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Trương Thanh T , bà Nguyễn Mỹ N phải chịu 9.360.000 đồng (chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Văn Thị C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trương Thanh T , bà Nguyễn Mỹ N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

